

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**GIAI ĐOẠN 6 THÁNG ĐẦU CỦA
NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2010**

**CÔNG TY CỔ PHẦN
TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 4**

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 – 5
3. Báo cáo kết quả công tác soát xét Báo cáo tài chính	6 – 7
4. Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2010	8 – 11
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ cho giai đoạn 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010	12
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho giai đoạn 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010	13 – 14
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010	15 – 29
8. Phụ lục 1: Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu	30

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 4

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 4 trình bày Báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Công ty đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C).

Khái quát về Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 4

Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 4 được thành lập trên cơ sở chuyển Công ty Nhà nước là Công ty Tư vấn Xây dựng Điện 4 thành công ty cổ phần.

Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 4 chính thức đi vào hoạt động từ ngày 01 tháng 8 năm 2007 theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 3703000280 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 01 tháng 8 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 19 tháng 5 năm 2008, thay đổi lần thứ 2 ngày 12 tháng 6 năm 2009 và thay đổi lần thứ 3 ngày 05 tháng 12 năm 2009.

Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 4 kế thừa toàn bộ các quyền lợi hợp pháp của Công ty Tư vấn Xây dựng Điện 4 kể từ thời điểm được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần.

Vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 4 theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 3 như sau:

Cổ đông	Vốn góp (VND)	Tỷ lệ (%)
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	18.102.000.000	52,78
Các cổ đông khác	16.193.500.000	47,22
Cộng	34.295.500.000	100,00

Cổ phiếu của Công ty niêm yết tại Trung tâm giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã cổ phiếu là TV4.

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là:

- Tư vấn thiết kế công trình nguồn điện, lưới điện, điện chiếu sáng, các dạng năng lượng mới và tái tạo.
- Thiết kế công trình thủy lợi.
- Lập quy hoạch phát triển điện lực vùng lãnh thổ, quy hoạch phát triển điện các tỉnh, thành phố, quận, huyện, lập quy hoạch phát triển các nguồn năng lượng mới và tái tạo.
- Khảo sát địa hình, địa chất công trình, địa chất thủy văn, địa kỹ thuật.
- Khảo sát, đo đạc, quan trắc khí tượng, thủy văn công trình.
- Xử lý gia cố nền móng, bao gồm: đo vẽ bản đồ địa chất công trình, địa chất thủy văn, khoan đào thăm dò, địa vật lý, khảo sát vật liệu xây dựng, khoan phụt.
- Dịch vụ đo vẽ bản đồ địa hình, địa chính; quan trắc biến dạng công trình.
- Giám sát khảo sát công trình.
- Tư vấn lập báo cáo đầu tư, dự án đầu tư, báo cáo kinh tế kỹ thuật, lập tổng mức đầu tư, tổng dự toán, dự toán công trình, lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu.
- Giám sát thi công xây dựng công trình nguồn điện, lưới điện, công trình công nghiệp, dân dụng và thủy lợi.
- Tư vấn thiết kế công trình đường bộ đến cấp 3, thiết kế kết cấu công trình dân dụng cấp 3 đến 6 tầng, công trình công nghiệp cấp 4, thiết kế kiến trúc công trình dân dụng và công nghiệp đến cấp 3.
- Thí nghiệm phân tích nước; thí nghiệm cơ lý đất đá, nền móng công trình và vật liệu xây dựng; thí nghiệm kiểm định chất lượng công trình; thí nghiệm, phân tích đánh giá các chỉ tiêu về môi trường.
- Tư vấn thẩm tra báo cáo đầu tư, dự án đầu tư; thẩm tra thiết kế kỹ thuật, bản vẽ thi công, tổng mức đầu tư, tổng dự toán, dự toán, hồ sơ mời thầu công trình xây dựng.

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 4

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Tư vấn về môi trường, khảo sát và lập báo cáo về bồi thường, tái định canh, định cư các dự án đầu tư xây dựng. Tư vấn quản lý dự án đầu tư xây dựng.
- Khảo sát điều tra, lập báo cáo đánh giá tác động môi trường.
- Giám sát môi trường.
- Sản xuất, kinh doanh điện năng.
- Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị điện.
- Mua bán thiết bị công nghệ thông tin và phần mềm máy tính.
- Gia công chế tạo cấu kiện, vật liệu điện.
- Xây lắp điện.
- Kinh doanh khách sạn.
- Vận tải hàng hóa bằng ô tô.
- Kinh doanh bất động sản, cho thuê văn phòng.

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : Số 11 Hoàng Hoa Thám, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

Điện thoại : (058) 2220 405

Fax : (058) 2220 400

Website : www.pecc4.com.vn

Các đơn vị trực thuộc:

Đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh phía Bắc	Số 10 – A4 – Khu Đô thị Đầm Trấu – Phường Bạch Đằng – Quận Hai Bà Trưng – TP. Hà Nội
Chi nhánh phía Nam	Số 46/8 Đường Trần Quý Khoách – Phường Tân Định – Quận 1 – TP. Hồ Chí Minh

Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2010, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm Báo cáo này (từ trang 08 đến trang 30).

Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2010 ngày 24 tháng 4 năm 2010, Đại hội đồng cổ đông đã thông qua phương án chi trả cổ tức năm 2009 bằng cổ phiếu thưởng với tỷ lệ trả cổ tức 20% (cổ đông sở hữu 100 cổ phiếu sẽ nhận được 20 cổ phiếu mới) và nhất trí thông qua phương án phát hành cổ phiếu thưởng để thưởng cho cán bộ công nhân viên Công ty từ quỹ khen thưởng của Công ty.

Ngày 10 tháng 8 năm 2010 Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 4 đã có Công văn gửi cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu trả cổ tức và phát hành cổ phiếu thưởng cho cán bộ công nhân viên năm 2009, theo đó số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành thêm là 828.450 cổ phiếu, tương ứng 8.284.500.000 VND (từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối với số tiền 6.773.980.000 VND và từ quỹ khen thưởng phúc lợi với số tiền 1.510.520.000 VND). Với việc phát hành thêm 828.450 cổ phiếu, vốn điều lệ của Công ty sẽ tăng từ 34.295.500.000 VND lên 42.580.000.000 VND. Hiện Công ty đang tiến hành các thủ tục cần thiết để thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty cho việc tăng vốn điều lệ.

Ngoài sự kiện nêu trên, Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào xảy ra sau ngày 30 tháng 6 năm 2010 cho đến thời điểm lập Báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính giữa niên độ.

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 4

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Phạm Minh Sơn	Chủ tịch	10 tháng 7 năm 2007	-
Ông Trần Văn Thọ	Thành viên	10 tháng 7 năm 2007	-
Ông Văn Công Minh	Thành viên	26 tháng 4 năm 2008	-
Ông Nguyễn Đức Hòa	Thành viên	26 tháng 4 năm 2008	-
Ông Lương Văn Đài	Thành viên	30 tháng 6 năm 2008	-

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Phạm Minh Sơn	Tổng Giám đốc	16 tháng 8 năm 2007	-
Ông Trần Văn Thọ	Phó Tổng Giám đốc	16 tháng 8 năm 2007	-
Ông Trần Hoài Nam	Phó Tổng Giám đốc	16 tháng 8 năm 2007	-
Ông Vũ Thành Danh	Kế toán trưởng	16 tháng 8 năm 2007	-

Xác nhận của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập các Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong từng năm tài chính. Trong việc lập các Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Công bố các chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong các Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập các Báo cáo tài chính giữa niên độ; các sổ kế toán được ghi chép, lưu giữ một cách đầy đủ và phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hiện tượng làm thiệt hại đến tài sản của Công ty, cũng như các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Chúng tôi, các thành viên của Ban Tổng Giám đốc Công ty xác nhận rằng, Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo đã được lập một cách đúng đắn, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại ngày 30 tháng 6 năm 2010, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 4, đồng thời phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các qui định pháp lý có liên quan.

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 4
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,

Phạm Minh Sơn
Tổng Giám đốc

Ngày 19 tháng 8 năm 2010

Số: 0841/2010/BCTC-KTTV

**BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT
VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2010
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 4**

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 4**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 4 gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2010, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010, được lập ngày 20 tháng 7 năm 2010, từ trang 08 đến trang 30 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về Báo cáo tài chính này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ không còn chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trong quá trình soát xét chúng tôi nhận thấy chi phí của các công trình đang thực hiện dở dang tại ngày 30 tháng 6 năm 2010 được Công ty ước tính căn cứ vào doanh thu dự kiến thực hiện trong quý 3 năm 2010 dựa trên các hợp đồng đã ký và thời hạn thực hiện hợp đồng. Chúng tôi chưa có đủ điều kiện để kiểm tra đánh giá sự phù hợp của các ước tính này.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề trên, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Không phù nhận ý kiến nêu trên, chúng tôi chỉ lưu ý đến người đọc Báo cáo tài chính rằng, đến thời điểm phát hành Báo cáo này, Công ty vẫn chưa hoàn tất các thủ tục nhận bàn giao tài sản và nguồn vốn từ Công ty Tư vấn Xây dựng Điện 4, nên một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi khi có sự khác nhau giữa tài sản và nguồn vốn nhận bàn giao theo hồ sơ bàn giao chính thức được phê duyệt so với số liệu được Công ty tạm ghi nhận vào Báo cáo tài chính tại thời điểm bàn giao.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C)

Nguyễn Chí Dũng - Phó Tổng Giám đốc

Chứng chỉ kiểm toán viên số: Đ.0100/KTV

Đoàn Nguyễn Hiếu Hạnh - Kiểm toán viên

Chứng chỉ kiểm toán viên số: 1248/KTV

TP. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 8 năm 2010

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 4

Địa chỉ: 11 Hoàng Hoa Thám - TP. Nha Trang - Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**(Dạng đầy đủ)****Tại ngày 30 tháng 6 năm 2010**

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		99.126.108.895	112.512.263.766
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	10.452.856.226	20.554.939.053
1. Tiền	111		10.452.856.226	7.554.939.053
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	13.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		77.336.807.626	86.269.590.198
1. Phải thu khách hàng	131	V.2	81.344.486.491	93.698.113.679
2. Trả trước cho người bán	132	V.3	3.105.011.288	2.989.497.797
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134	V.4	2.200.000.000	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.5	665.632.848	819.812.603
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.6	(9.978.323.001)	(11.237.833.881)
IV. Hàng tồn kho	140		9.256.150.505	4.347.249.847
1. Hàng tồn kho	141	V.7	9.256.150.505	4.347.249.847
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.080.294.538	1.340.484.668
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	8.914.000
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.8	2.080.294.538	1.331.570.668

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		48.139.940.644	35.550.480.443
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		4.048.969.157	4.048.969.157
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.9	4.048.969.157	4.048.969.157
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		23.824.146.938	24.118.847.800
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	7.572.816.858	7.744.068.464
<i>Nguyên giá</i>	222		27.105.641.470	25.987.430.696
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(19.532.824.612)	(18.243.362.232)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	16.251.330.080	16.374.779.336
<i>Nguyên giá</i>	228		17.515.099.487	17.515.099.487
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(1.263.769.407)	(1.140.320.151)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	-
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		19.116.430.000	6.058.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.12	19.116.430.000	6.058.000.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		1.150.394.549	1.324.663.486
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.13	1.070.394.549	1.244.663.486
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		80.000.000	80.000.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		147.266.049.539	148.062.744.209

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		93.448.606.704	94.186.900.100
I. Nợ ngắn hạn	310		83.145.896.481	83.810.393.877
1. Vay và nợ ngắn hạn	311		-	-
2. Phải trả người bán	312	V.14	5.501.390.844	8.634.236.411
3. Người mua trả tiền trước	313	V.15	33.386.880.502	27.001.221.672
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.16	5.836.003.236	6.514.419.819
5. Phải trả người lao động	315	V.17	9.518.801.282	19.659.579.140
6. Chi phí phải trả	316	V.18	11.749.679.809	-
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.19	11.386.764.599	16.809.311.907
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.20	5.766.376.209	5.191.624.928
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
II. Nợ dài hạn	330		10.302.710.223	10.376.506.223
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.21	10.000.000.000	10.000.000.000
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	V.22	302.710.223	376.506.223
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		53.817.442.835	53.875.844.109
I. Vốn chủ sở hữu	410		53.817.442.835	53.875.844.109
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.23	34.295.500.000	34.295.500.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414	V.23	(526.180.060)	(504.830.060)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416	V.23	-	387.169.518
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	V.23	8.348.357.892	4.416.700.630
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	V.23	2.825.014.566	1.473.732.004
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419	V.23	565.002.912	294.746.400
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.23	8.309.747.525	13.512.825.617
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		147.266.049.539	148.062.744.209

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại: Dollar Mỹ (USD)			
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		2.344,56	193.367,02

Khánh Hòa, ngày 20 tháng 7 năm 2010

Trần Lê Thanh Bình
Người lập biểu

Vũ Thành Danh
Kế toán trưởng

Phạm Minh Sơn
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 4

Địa chỉ: 11 Hoàng Hoa Thám - TP. Nha Trang - Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	57.140.339.717	50.069.332.543
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	57.140.339.717	50.069.332.543
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	39.254.179.119	36.372.534.292
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		17.886.160.598	13.696.798.251
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	1.247.183.072	71.462.594
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	633.270.834	630.222.222
Trong đó: chi phí lãi vay	23		633.270.834	630.222.222
8. Chi phí bán hàng	24		55.181.820	85.440.865
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.5	7.366.698.649	5.923.004.420
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		11.078.192.367	7.129.593.338
11. Thu nhập khác	31		1.471.000	32.187.084
12. Chi phí khác	32		-	3.118.182
13. Lợi nhuận khác	40		1.471.000	29.068.902
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		11.079.663.367	7.158.662.240
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.16	2.769.915.842	1.789.665.560
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>8.309.747.525</u>	<u>5.368.996.680</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.6	<u>2.452</u>	<u>1.634</u>

Khánh Hòa, ngày 20 tháng 7 năm 2010

Trần Lê Thanh Bình
Người lập biểu

Vũ Thành Danh
Kế toán trưởng

Phạm Minh Sơn
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 4

Địa chỉ: 11 Hoàng Hoa Thám - TP. Nha Trang - Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**(Dạng đầy đủ)****(Theo phương pháp gián tiếp)****6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010**

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		11.079.663.367	7.158.662.240
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02	V.10, 11	1.412.911.636	1.942.106.006
- Các khoản dự phòng	03		(1.259.510.880)	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(617.192.778)	(71.462.594)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	633.270.834	630.222.222
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		11.249.142.179	9.659.527.874
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		9.443.569.582	(5.078.065.119)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(4.908.900.658)	(1.856.258.047)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(8.959.378.372)	5.304.660.005
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		183.182.937	113.423.810
- Tiền lãi vay đã trả	13		(1.099.368.056)	(649.444.444)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	V.16	(1.401.928.025)	(1.430.194.779)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		6.000.000	7.000.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(616.890.000)	(268.800.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		3.895.429.587	5.801.849.300
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(1.147.755.674)	(296.051.020)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(2.000.000.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		2.000.000.000	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		(13.058.430.000)	(2.000.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		617.192.778	71.462.594
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(13.588.992.896)	(2.224.588.426)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	V.23	(21.350.000)	(418.620.060)
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		16.000.000.000	9.000.000.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(16.000.000.000)	(9.000.000.000)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(21.350.000)	(418.620.060)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(9.714.913.309)	3.158.640.814
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	20.554.939.053	713.499.346
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(387.169.518)	
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	10.452.856.226	3.872.140.160

Khánh Hòa, ngày 20 tháng 7 năm 2010

Trần Lê Thanh Bình
 Người lập biểu

Vũ Thành Danh
 Kế toán trưởng

Phạm Minh Sơn
 Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 4

Địa chỉ: 11 Hoàng Hoa Thám – TP. Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- 1. Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần.
- 2. Lĩnh vực kinh doanh** : Dịch vụ tư vấn.
- 3. Ngành nghề kinh doanh** : Tư vấn, khảo sát, thiết kế điện.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

- 1. Năm tài chính**
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
- 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam.

III. CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN VÀ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN ÁP DỤNG

- 1. Chế độ kế toán áp dụng**
Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam.
- 2. Hình thức kế toán áp dụng**
Công ty sử dụng hình thức chứng từ ghi sổ. Công việc ghi sổ kế toán được thực hiện trên phần mềm trên máy vi tính.
- 3. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**
Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập các Báo cáo tài chính giữa niên độ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

- 1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính**
Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.
- 2. Tiền và tương đương tiền**
Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 4

Địa chỉ: 11 Hoàng Hoa Thám – TP. Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

3. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác, dự phòng công nợ phải thu khó đòi

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập dựa vào đánh giá về khả năng thu hồi của từng khoản nợ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

4. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 25
Máy móc thiết bị	03 - 06
Phương tiện vận chuyển	06
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 05

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 4

Địa chỉ: 11 Hoàng Hoa Thám – TP. Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

6. Tài sản cố định vô hình

Giá trị quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao trong thời gian sử dụng. Quyền sử dụng đất lâu dài không tính khấu hao.

Quyền sử dụng đất lâu dài nhận bàn giao từ Công ty Nhà Nước được xác định theo Hồ sơ xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2005.

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy vi tính được khấu hao trong thời gian từ 3 năm đến 5 năm.

7. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

8. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

9. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

10. Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 24 tháng.

Giá trị lợi thế doanh nghiệp

Giá trị lợi thế doanh nghiệp được xác định theo Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2005. Giá trị lợi thế doanh nghiệp được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 5 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 4

Địa chỉ: 11 Hoàng Hoa Thám – TP. Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

11. Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả thương mại và các khoản phải trả khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

12. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

13. Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc, mất việc cho người lao động đối với thời gian đã làm việc tại Công ty trước ngày 01 tháng 01 năm 2009. Mức trích dự phòng trợ cấp mất việc làm là 3% quỹ lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí theo hướng dẫn tại Thông tư 82/2003/TT-BTC ngày 14 tháng 8 năm 2003 của Bộ Tài chính. Trường hợp quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm không đủ để chi trả trợ cấp cho người lao động thôi việc, mất việc trong kỳ thì phần chênh lệch thiếu được hạch toán vào chi phí.

14. Nguồn vốn chủ sở hữu – quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty là vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn của cổ đông đã đầu tư.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

15. Cổ phiếu quỹ

Khi cổ phần trong vốn chủ sở hữu được mua lại, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu.

16. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả trong kỳ cổ tức được công bố.

17. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25% trên thu nhập chịu thuế.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất áp dụng tại ngày cuối kỳ. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 4

Địa chỉ: 11 Hoàng Hoa Thám – TP. Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Tài sản thuê thu nhập hoãn lại và thuê thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

18. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được qui đổi theo tỷ giá tại ngày cuối kỳ.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ cuối kỳ được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày: 31/12/2009 : 17.941 VND/USD
30/06/2010 : 18.544 VND/USD

19. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Khi cung cấp dịch vụ, doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc năm tài chính.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn. Lãi từ các khoản đầu tư khác được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

20. Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định.
- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi các chi phí này đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 4

Địa chỉ: 11 Hoàng Hoa Thám – TP. Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

21. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

Giao dịch với các bên liên quan với Công ty được trình bày ở thuyết minh số VII.3.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	334.399.000	792.000
Tiền gửi ngân hàng	10.118.457.226	7.554.147.053
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng kể từ ngày gửi)	-	13.000.000.000
Cộng	10.452.856.226	20.554.939.053

2. Phải thu của khách hàng

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Điện Việt Nam	6.494.121.336	6.494.121.336
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Miền Bắc 1	6.384.387.366	6.384.387.366
Công ty Cổ phần Thủy điện Nho Quế 1	6.037.929.873	4.752.760.473
Công ty Cổ phần Thủy điện La Ngâu	6.010.808.709	6.010.808.709
Các khách hàng khác	56.417.239.207	70.056.035.795
Cộng	81.344.486.491	93.698.113.679

3. Trả trước cho người bán

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Năng lượng - Hà Nội	400.000.000	400.000.000
Công ty TNHH Xây dựng Lê Nguyên	397.101.100	397.101.100
Công ty Cổ phần Vật liệu CAVICO Hạ tầng	344.673.082	344.673.082
Viện Năng Lượng	300.000.000	300.000.000
Các nhà cung cấp khác	1.663.237.106	1.547.723.615
Cộng	3.105.011.288	2.989.497.797

4. Phải thu theo tiến độ hợp đồng xây dựng

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ban Quản lý dự án Thủy điện Trung Sơn	1.000.000.000	-
Ban Quản lý dự án các công trình điện Miền Trung	1.200.000.000	-
Cộng	2.200.000.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 4

Địa chỉ: 11 Hoàng Hoa Thám – TP. Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**5. Các khoản phải thu khác**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Thuế thu nhập cá nhân của CBCNV	-	138.008.000
Công ty TNHH MTV Địa chính Bình Nguyên	230.000.000	230.000.000
Các đối tượng khác	435.632.848	451.804.603
Cộng	665.632.848	819.812.603

6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

Chi tiết các khoản dự phòng như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Các khoản nợ quá hạn dưới 1 năm	-	232.858.263
Các khoản nợ quá hạn trên từ 1 năm đến 2 năm	4.434.755.405	7.450.017.594
Các khoản nợ quá hạn từ 2 đến dưới 3 năm	5.200.266.796	3.422.252.396
Các khoản nợ quá hạn từ 3 năm trở lên	343.300.800	132.705.628
Cộng	9.978.323.001	11.237.833.881

7. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu tồn kho	782.073.160	619.555.925
Công cụ, dụng cụ tồn kho	23.861.870	22.753.424
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	8.450.215.475	3.704.940.498
Cộng	9.256.150.505	4.347.249.847

8. Tài sản ngắn hạn khác

Tạm ứng cho cán bộ công nhân viên

9. Phải thu dài hạn của khách hàng

Tiền bảo hành công trình còn phải thu khách hàng:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ban quản lý dự án Thủy điện 1	1.845.788.202	1.845.788.202
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Nho Quế	1.532.762.821	1.532.762.821
Ban quản lý dự án Thủy điện Trung Sơn	506.106.834	506.106.834
Ban quản lý dự án Thủy điện 2	156.818.300	156.818.300
Ban quản lý dự án Nhà máy Thủy điện Sơn La	7.493.000	7.493.000
Cộng	4.048.969.157	4.048.969.157

10. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà xưởng, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	6.063.541.735	8.450.682.678	9.679.610.309	1.793.595.974	25.987.430.696
Đầu tư mới	317.547.273	421.363.500	225.000.000	154.300.001	1.118.210.774
Số cuối kỳ	6.381.089.008	8.872.046.178	9.904.610.309	1.947.895.975	27.105.641.470

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 4

Địa chỉ: 11 Hoàng Hoa Thám – TP. Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Nhà xưởng, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	251.729.530	4.631.962.297	4.767.546.729	825.929.187	10.477.167.743
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	1.584.201.213	7.303.134.562	8.141.307.064	1.214.719.393	18.243.362.232
Khấu hao trong kỳ	175.186.542	456.210.992	522.508.118	135.556.728	1.289.462.380
Số cuối kỳ	1.759.387.755	7.759.345.554	8.663.815.182	1.350.276.121	19.532.824.612
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	4.479.340.522	1.147.548.116	1.538.303.245	578.876.581	7.744.068.464
Số cuối kỳ	4.621.701.253	1.112.700.624	1.240.795.127	597.619.854	7.572.816.858
<i>Trong đó:</i>					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

11. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất không thời hạn	Quyền sử dụng đất có thời hạn	Phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	6.970.774.045	9.586.688.955	957.636.487	17.515.099.487
Số cuối kỳ	6.970.774.045	9.586.688.955	957.636.487	17.515.099.487
<i>Trong đó:</i>				
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	-	815.455.381	815.455.381
Giá trị hao mòn				
Số đầu năm	-	279.891.705	860.428.446	1.140.320.151
Khấu hao trong kỳ	-	99.752.400	23.696.856	123.449.256
Số cuối kỳ	-	379.644.105	884.125.302	1.263.769.407
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	6.970.774.045	9.306.797.250	97.208.041	16.374.779.336
Số cuối kỳ	6.970.774.045	9.207.044.850	73.511.185	16.251.330.080

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 4

Địa chỉ: 11 Hoàng Hoa Thám – TP. Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**12. Đầu tư dài hạn khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Góp vốn vào Công ty Cổ phần Bất động sản EVN Land Nha Trang	1.500.000.000	1.500.000.000
Góp vốn vào Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn (xem thuyết minh VII.2)	16.616.430.000	3.558.000.000
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	1.000.000.000	1.000.000.000
Cộng	19.116.430.000	6.058.000.000

13. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Phát sinh tăng trong kỳ</u>	<u>Phân bổ vào chi phí hoạt động trong kỳ</u>	<u>Số cuối năm</u>
Giá trị lợi thế kinh doanh	844.353.412	-	(202.911.912)	641.441.500
Chi phí công cụ dụng cụ	400.310.074	170.851.091	(142.208.116)	428.953.049
Cộng	1.244.663.486	170.851.091	(345.120.028)	1.070.394.549

14. Phải trả cho người bán

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 1	983.545.000	983.545.000
Xí nghiệp Đo đạc Bản đồ Nông nghiệp 1 - Hòa Bình	765.398.010	1.356.212.010
Công ty Tư vấn Xây dựng Thủy lợi 1	548.352.630	695.352.630
Các khách hàng khác	3.204.095.204	5.599.126.771
Cộng	5.501.390.844	8.634.236.411

15. Người mua trả tiền trước

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ban Quản lý dự án các công trình Điện Miền Trung	11.559.074.282	8.287.749.171
Ban Quản lý dự án Thủy điện Trung Sơn	4.696.335.767	8.437.328.375
Mott MacDonald Ltd	3.621.288.625	3.275.792.580
Các khách hàng khác	13.510.181.828	7.000.351.546
Cộng	33.386.880.502	27.001.221.672

16. Thuế và các khoản phải nộp ngân sách nhà nước

Tình hình thực hiện nghĩa vụ thuế và các khoản phải nộp Nhà nước trong kỳ như sau:

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong kỳ</u>	<u>Số đã nộp trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	5.326.946.601	4.059.038.909	(5.914.791.309)	3.471.194.201
Thuế thu nhập doanh nghiệp	993.131.218	2.769.915.842	(1.401.928.025)	2.361.119.035
Thuế thu nhập cá nhân	194.342.000	954.303.792	(1.144.955.792)	3.690.000
Thuế nhà đất	-	7.655.000	(7.655.000)	-
Các loại thuế khác	-	168.260.532	(168.260.532)	-
Cộng	6.514.419.819	7.959.174.075	(8.637.590.658)	5.836.003.236

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 4

Địa chỉ: 11 Hoàng Hoa Thám – TP. Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng của dịch vụ tư vấn thiết kế, khảo sát là 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Xem thuyết minh số IV.17.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	11.079.663.367	7.158.662.240
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-
Tổng thu nhập chịu thuế	11.079.663.367	7.158.662.240
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	2.769.915.842	1.789.665.560

Thuế nhà đất

Tiền thuê đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

17. Phải trả người lao động

Quỹ lương trong kỳ được xác định theo theo Quyết định của Biên bản cuộc họp Hội đồng Quản trị Công ty tại cuộc họp ngày 16 tháng 3 năm 2010. Đơn giá tiền lương đối với doanh thu ghi nhận trong kỳ như sau:

- Hoạt động khảo sát tự làm: 530 VND/1.000 đồng doanh thu
- Hoạt động thiết kế tự làm: 510 VND/1.000 đồng doanh thu

Số dư tại ngày cuối kỳ là quỹ lương chưa chi hết cho người lao động.

18. Chi phí phải trả

Chi phí tư vấn phụ cho công trình thủy điện tích năng Bác Ái.

19. Các khoản phải trả, phải nộp khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tài sản thừa chờ giải quyết	214.964.407	214.964.407
Kinh phí công đoàn	745.359.995	1.153.665.648
Bảo hiểm xã hội	39.924.447	24.009.190
Phải trả Tập đoàn Điện lực Việt Nam về cổ phần hóa	1.187.287.429	1.187.287.429
Tiền góp vốn vào Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn nhận của các cổ đông khác (xem thuyết minh VII.2)	344.880.000	12.084.440.000
Phải trả Tập đoàn Điện lực Việt Nam về tiền lãi vay dài hạn	612.377.889	1.078.475.111

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 4

Địa chỉ: 11 Hoàng Hoa Thám – TP. Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả Tập đoàn Điện lực Việt Nam tiền cổ tức	848.531.000	848.531.000
Cổ tức năm 2009 của Các cổ đông sẽ được nhận bằng cổ phiếu thưởng	6.773.988.000	-
Tiền cổ tức nhận của Công ty Cổ phần Tài chính Điện lực phải trả cho cán bộ công nhân viên	472.311.000	-
Các khoản khác	147.140.432	217.939.122
Cộng	11.386.764.599	16.809.311.907

20. Quỹ khen thưởng phúc lợi

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	5.191.624.928	6.241.795.517
Trích quỹ từ lợi nhuận năm trước	675.641.281	450.033.369
Nhận khen thưởng từ Tập đoàn Điện lực Việt Nam	6.000.000	7.000.000
Phát hành cổ phiếu thưởng trong kỳ	-	(1.359.100.000)
Chi quỹ trong kỳ	(106.890.000)	(35.800.000)
Số cuối kỳ	5.766.376.209	5.303.928.886

21. Vay và nợ dài hạn

Khoản vay dài hạn Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) để bổ sung vốn lưu động với thời hạn vay 6 năm, lãi suất tính bằng tiền gửi kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau bình quân tham chiếu của 4 ngân hàng thương mại Quốc doanh cộng thêm 1,2%.

22. Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	376.506.223	246.071.795
Chi trợ cấp thôi việc cho công nhân viên	(73.796.000)	(79.273.000)
Số cuối kỳ	302.710.223	166.798.795

23. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu : xem Phụ lục đính kèm.

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Vốn góp	Tỷ lệ (%)	Vốn góp	Tỷ lệ (%)
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	18.102.000.000	52,78	18.102.000.000	52,78
Các cổ đông khác	16.193.500.000	47,22	16.193.500.000	47,22
Cộng	34.295.500.000	100,00	34.295.500.000	100,00

Toàn bộ cổ phiếu đang lưu hành là cổ phiếu phổ thông với mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 4

Địa chỉ: 11 Hoàng Hoa Thám – TP. Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	3.429.550	3.429.550
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	3.429.550	3.429.550
- Cổ phiếu phổ thông	3.429.550	3.429.550
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	42.556	40.421
- Cổ phiếu phổ thông	42.556	40.421
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.386.994	3.389.129
- Cổ phiếu phổ thông	3.386.994	3.389.129
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mục đích trích lập quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính và quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu

Quỹ đầu tư phát triển được dùng để bổ sung vốn điều lệ của Công ty.

Quỹ dự phòng tài chính được dùng để:

- Bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong quá trình kinh doanh;
- Bù đắp khoản lỗ của Công ty theo quyết định của Hội đồng Quản trị.

Quỹ khác của chủ sở hữu (Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ) được dùng để bổ sung vốn điều lệ.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Doanh thu thuần cung cấp hàng hóa và dịch vụ

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu hoạt động khảo sát	13.848.007.961	14.131.475.606
Doanh thu hoạt động thiết kế	43.292.331.756	35.937.856.937
Cộng	57.140.339.717	50.069.332.543

2. Giá vốn hàng bán

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn hoạt động khảo sát	9.254.043.115	9.297.086.675
Giá vốn hoạt động thiết kế	30.000.136.004	27.075.447.617
Cộng	39.254.179.119	36.372.534.292

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi ngân hàng	661.250.686	71.462.594

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 4

Địa chỉ: 11 Hoàng Hoa Thám – TP. Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi kinh doanh ngoại tệ	232.279.342	-
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	353.653.044	-
Cộng	1.247.183.072	71.462.594

4. Chi phí tài chính

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay hợp đồng vay dài hạn của EVN (xem thuyết minh số V.21)	563.000.000	604.888.889
Chi phí lãi vay ngắn hạn khác	70.270.834	25.333.333
Cộng	633.270.834	630.222.222

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	4.842.153.249	3.533.360.770
Chi phí vật liệu, đồ dùng văn phòng	140.183.065	119.937.672
Chi phí khấu hao tài sản cố định	139.611.595	240.721.557
Chi phí dịch vụ mua ngoài	357.894.950	269.774.467
Chi phí khác	1.886.855.790	1.759.209.954
Cộng	7.366.698.649	5.923.004.420

6. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	8.309.747.525	5.368.996.680
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	8.309.747.525	5.368.996.680
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	3.388.283	3.284.809
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.452	1634

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ được tính như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	3.389.129	3.293.640
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại trong kỳ	(846)	(22.422)
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành thêm trong kỳ	-	13.591
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	3.388.283	3.284.809

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 4

Địa chỉ: 11 Hoàng Hoa Thám – TP. Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

VII. MỘT SỐ THÔNG TIN KHÁC

1. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2010 ngày 24 tháng 4 năm 2010, Đại hội đồng cổ đông đã thông qua phương án chi trả cổ tức năm 2009 bằng cổ phiếu thưởng với tỷ lệ trả cổ tức 20% (cổ đông sở hữu 100 cổ phiếu sẽ nhận được 20 cổ phiếu mới) và nhất trí thông qua phương án phát hành cổ phiếu thưởng để thưởng cho cán bộ công nhân viên Công ty từ quỹ khen thưởng của Công ty.

Ngày 10 tháng 8 năm 2010 Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 4 đã có Công văn gửi cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu trả cổ tức và phát hành cổ phiếu thưởng cho cán bộ công nhân viên năm 2009, theo đó số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành thêm là 828.450 cổ phiếu, tương ứng 8.284.500.000 VND (từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối với số tiền 6.773.980.000 VND và từ quỹ khen thưởng phúc lợi với số tiền 1.510.520.000 VND). Với việc phát hành thêm 828.450 cổ phiếu, vốn điều lệ của Công ty sẽ tăng từ 34.295.500.000 VND lên 42.580.000.000 VND. Hiện Công ty đang tiến hành các thủ tục cần thiết để thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty cho việc tăng vốn điều lệ.

2. Các khoản cam kết

Theo Giấy Chứng nhận Đăng ký kinh doanh và Điều lệ hoạt động của Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn, Công ty đăng ký góp 6.000.000 cổ phần, tương đương 60.000.000.000 VND, chiếm 17,9% vốn điều lệ của Công ty. Tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2010, Công ty chỉ mới góp 16.616.430.000 VND (xem thuyết minh số V.12).

Ngoài ra, Công ty cũng nhận ủy quyền của các cổ đông khác của Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn (là người lao động của Công ty) trong việc góp vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn. Trong kỳ, Công ty đã chuyển góp vốn vào Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn số tiền là 11.351.570.000 VND. Tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2010, số tiền 344.880.000 VND (xem thuyết minh số V.19) đã thu của các cổ đông và sẽ tiếp tục được chuyển góp vốn cho Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn khi Công ty nhận được thông báo về việc góp vốn.

3. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Kế toán trưởng.

Các giao dịch giữa Công ty với các Thành viên quản lý chủ chốt bao gồm:

Thành viên chủ chốt	Nội dung giao dịch
Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát	Theo Nghị quyết Đại hội Đồng cổ đông thường niên năm 2010, thù lao Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát năm 2010 là 372.000.000 VND/năm. Trong 6 tháng đầu năm 2010 Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát đã nhận thù lao của năm 2009 là 93.000.000 VND.
Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng	Thu nhập từ tiền lương và các phụ cấp theo quy chế lương của Công ty. Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong 6 tháng đầu năm 2010 là 1.049.918.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 4

Địa chỉ: 11 Hoàng Hoa Thám – TP. Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Giao dịch với các bên liên quan khác

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tập đoàn Điện lực Việt Nam (gọi tắt là EVN)	Cổ đông sở hữu 52,78% cổ phần (xem thuyết minh số V.23)
Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn	Công ty đăng ký sở hữu 17,9% vốn điều lệ. Ông Phạm Minh Sơn – Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc Công ty là Chủ tịch Hội đồng Quản trị của Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn

Các giao dịch trọng yếu trong kỳ giữa Công ty và các bên liên quan khác trong kỳ như sau:

Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN)

Chi phí lãi vay phải trả 563.000.000

Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn

Góp vốn điều lệ 13.058.430.000

Tại ngày cuối kỳ, công nợ phải trả EVN như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả nợ gốc vay (xem thuyết minh số V.21)	10.000.000.000	10.000.000.000
Phải trả về cổ phần hóa (xem thuyết minh số V.19)	1.187.287.429	1.187.287.429
Phải trả về tiền lãi vay dài hạn (xem thuyết minh số V.19)	612.377.889	1.078.475.111
Phải trả cổ tức năm trước (xem thuyết minh số V.19)	848.531.000	848.531.000
Cộng	12.640.707.318	12.659.929.540

4. Số liệu so sánh

Năm 2010, trong phạm vi có liên quan, Công ty áp dụng các qui định tại Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp. Một số chỉ tiêu trên báo cáo tài chính năm trước đã được phân loại lại cho phù hợp với việc trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ kỳ này.

Khánh Hòa ngày 20 tháng 7 năm 2010

Trần Lê Thanh Bình
Người lập

Vũ Thành Danh
Kế toán trưởng

Phạm Minh Sơn
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 4

Địa chỉ: 11 Hoàng Hoa Thám - TP. Nha Trang - Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Phụ lục: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	<u>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</u>	<u>Cổ phiếu quỹ</u>	<u>Chênh lệch tỷ giá hối đoái</u>	<u>Quỹ đầu tư phát triển</u>	<u>Quỹ dự phòng tài chính</u>	<u>Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu</u>	<u>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</u>	<u>Cộng</u>
Số đầu năm trước	27.500.000.000	-	-	2.868.546.713	573.665.267	114.733.053	8.747.667.370	39.804.612.403
Phát hành cổ phiếu thưởng từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	5.436.400.000	-	-	-	-	-	(5.436.400.000)	-
Phát hành cổ phiếu thưởng từ quỹ khen thưởng	1.359.100.000	-	-	-	-	-	-	1.359.100.000
Mua lại cổ phiếu quỹ trong kỳ	-	(504.830.060)	-	-	-	-	-	(504.830.060)
Đánh giá lại tiền ngoại tệ tại ngày cuối năm	-	-	387.169.518	-	-	-	-	387.169.518
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	-	-	-	13.512.825.617	13.512.825.617
Trích lập các quỹ trong kỳ từ lợi nhuận năm trước	-	-	-	1.548.153.917	900.066.737	396.013.347	(3.294.267.370)	(450.033.369)
Chi thù lao Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát	-	-	-	-	-	-	(17.000.000)	(17.000.000)
Chi quỹ trong năm nay	-	-	-	-	-	(216.000.000)	-	(216.000.000)
Số dư cuối năm trước	<u>34.295.500.000</u>	<u>(504.830.060)</u>	<u>387.169.518</u>	<u>4.416.700.630</u>	<u>1.473.732.004</u>	<u>294.746.400</u>	<u>13.512.825.617</u>	<u>53.875.844.109</u>
Số dư đầu năm nay	34.295.500.000	(504.830.060)	387.169.518	4.416.700.630	1.473.732.004	294.746.400	13.512.825.617	53.875.844.109
Hoàn nhập lại chênh lệch tỷ giá đầu kỳ	-	-	(387.169.518)	-	-	-	-	(387.169.518)
Mua lại cổ phiếu quỹ trong kỳ	-	(21.350.000)	-	-	-	-	-	(21.350.000)
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	(6.773.988.000)	(6.773.988.000)
Trích lập các quỹ trong kỳ từ lợi nhuận năm trước	-	-	-	3.931.657.262	1.351.282.562	270.256.512	(6.738.837.617)	(1.185.641.281)
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	-	8.309.747.525	8.309.747.525
Số dư cuối kỳ	<u>34.295.500.000</u>	<u>(526.180.060)</u>	<u>-</u>	<u>8.348.357.892</u>	<u>2.825.014.566</u>	<u>565.002.912</u>	<u>8.309.747.525</u>	<u>53.817.442.835</u>